

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2022/DS-ST  
Ngày: 28-7-2022  
V/v: “*Tranh chấp hợp  
đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Kim Loan.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Bình
2. Bà Nguyễn Thị Thu Thủy.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Quý, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hà Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 346/2021/TLST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2022/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 284/2022/QĐST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (VIB); Trụ sở: Tầng 1 và 2 Tòa nhà Sailling Tower, số 111A Pasteur, phường B, Quận 1, Thành phố H; Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V; chức vụ: Tổng giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thu H; chức vụ: Giám đốc Trung tâm quản lý nợ NHBL – VIB theo ủy quyền số 27869.20 ký ngày 04/01/2021 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Q; địa chỉ: Tầng 6 Tòa nhà Paxky, 26 Ung Văn K, Phường 25, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Thị Thu H ủy quyền lại cho ông Trần Tiến L, chức vụ: Cán bộ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q; địa chỉ: Tầng 6 Tòa nhà Paxky, 26 Ung Văn K, Phường 25, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền số 73542.21 ngày 19/11/2021); ông L có mặt.

**- Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1977 và ông Trần Văn C, sinh năm 1974; C địa chỉ: Thôn P, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; đều vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Võ Văn Á, sinh năm: 1971, bà Dương Thị Ánh T, sinh năm 1973; C địa chỉ: Thôn P, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; đều vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Ngân hàng thương mại Cổ phần Q (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) trình bày:

Ngân hàng và bà Nguyễn Thị U, ông Trần Văn C đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 642.HDTD.406.18 ngày 01-10-2018, với số tiền vay 300.000.000 đồng, mục đích phục vụ hoạt động kinh doanh thủy sản; thời hạn vay: 11 tháng tính từ ngày kể ngày tiếp theo ngày giải ngân đến ngày 03-7-2021, lãi suất vay tại thời điểm giải ngân là 9.3%/năm, lãi suất này sẽ được Ngân hàng chủ động điều chỉnh 03 tháng một lần, bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 1.5%/năm, Ngân hàng đã giải ngân cho bị đơn.

Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 275, tờ bản đồ số 3 tại xã Ng do Ủy ban nhân dân huyện T (nay là thành phố Q), tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 21-3-2014 cho bà Nguyễn Thị U và ông Trần Văn C, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 064.HDTC.406.18 ngày 31/01/2018 và Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số 064.1.HDTC.406.18 ngày 31-01-2018.

Quá trình thực hiện hợp đồng, đến thời điểm trả nợ gốc vay, khoản vay theo Khế ước nhận nợ ngày 03-08-2020 của Hợp đồng tín dụng 642.HDTD.406.18 ngày 01-10-2018, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền lãi cho Ngân hàng. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, đôn đốc cũng như tạo điều kiện cho bà Nguyễn Thị U và ông Trần Văn C trong việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị U và ông Trần Văn C vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi đúng hạn cho Ngân hàng, tiền lãi bà U và ông C đã trả cho Ngân hàng 23.329.990 đồng.

Nay, Ngân hàng yêu cầu Tòa buộc bà Nguyễn Thị U và ông Trần Văn C phải trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam tính đến ngày 28-7-2022 tổng số tiền là 349.082.100 đồng, trong đó: Nợ gốc 300.000.000 đồng; lãi trong hạn: 2.610.000 đồng, lãi quá hạn 46.472.100 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 29-7-2022 trên số tiền nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng số 642.HDTD.406.18 ngày 01-10-2018 và khế ước nhận nợ số 642.03.KUNN.406.18 ngày 03-8-2020 cho đến trả xong nợ cho Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam;

Trường hợp bà Nguyễn Thị U và ông Trần Văn C không trả đủ các khoản nợ nói trên cho Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 275, tờ bản đồ số 3 xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 064.HDTC.406.18 ngày 31/01/2018 để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP Q.

Trường hợp xử lý tài sản thế chấp không đủ để thu hồi nợ thì bà Nguyễn Thị U và ông Trần Văn C phải tiếp tục trả các khoản nợ gốc và tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Q.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị U và ông Trần Văn C không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt 02 lần tại phiên tòa. Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng có liên quan theo quy định của pháp luật để bị đơn biết nhưng bị đơn không có văn bản phản hồi ý kiến đối với yêu cầu của Ngân hàng và thủ tục tố tụng của Tòa án.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Võ Văn Á, sinh năm: 1971, bà Dương Thị Ánh T trình bày: Ông Á và bà T là người thuê nhà của bà U, ông C, đối với số tiền thuê nhà ông Á, bà T tự giải quyết với bà U, ông C, ông Á, bà T đồng ý chuyển đi nơi khác và giao lại quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bà U, ông C là thửa đất số 275, tờ bản đồ số 3 tại thôn P, xã N, thành phố Q cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định pháp luật.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền gốc, lãi như nguyên đơn yêu cầu. Trường hợp bị đơn không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ trả nợ, bà U, ông C còn phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi trả nợ xong. Đối với ông Võ Văn Á và bà Dương Thị Ánh T phải có trách nhiệm và nghĩa vụ giao lại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 275, tờ bản đồ số 3 tại thôn P, xã N, thành phố Q cho bên nhận thế chấp là Ngân hàng để xử lý tài sản thế chấp theo quy định pháp luật. Bị đơn phải nộp án phí theo quy định của pháp luật. Về chi phí tố tụng 3.000.000 đồng Ngân hàng đã tạm ứng và chi phí xong nên bị đơn phải có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị U, ông Trần Văn C có địa chỉ nơi cư trú hiện nay: Thôn P, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng đã được hai bên ký kết. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi thụ lý, giải quyết vụ án “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về xét xử vắng mặt: Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Xét Hợp đồng tín dụng (cho vay kinh doanh) số 642.HDTD.406.18 ngày 01-10-2018 giữa Ngân hàng và bà Nguyễn Thị U, ông Trần Văn C: Căn cứ đề nghị của bị đơn, Ngân hàng đã cho bị đơn vay số tiền gốc 300.000.000 đồng. Ngân hàng đã giải ngân cho bị đơn thể hiện tại Đơn đề nghị giải ngân kiêm kế ước nhận nợ ngày 03-8-2020, thời hạn vay 11 tháng, mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh hải sản, lãi suất tại thời điểm giải ngân 9,3%/năm, lãi suất này sẽ được ngân hàng chủ động điều chỉnh 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 1,5%/năm. Phương thức trả nợ: Bị đơn hoàn trả khoản tín dụng gốc vào cuối kỳ, ngày trả lãi hàng tháng, vào ngày 04, ngày trả nợ lãi đầu tiên là ngày 04-9-2020. Trong thời gian vay, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền lãi hàng tháng cho nguyên đơn, nhiều lần nguyên đơn nhắc nhở, đôn đốc nhưng bị đơn không thực hiện trả lãi hàng tháng và nợ gốc và cho nguyên đơn, đã vi phạm khoản 1.5, tiểu mục 1.5.1; 1.5.2 Điều 1 của Hợp đồng tín dụng. Vì vậy khoản vay của bị đơn đã chuyển sang nợ quá hạn theo quy định tại khoản 4.3 Điều 4 (Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng, đính kèm hợp đồng tín dụng).

Tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng thương mại Cổ phần Q khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả cho Ngân hàng số tiền tổng cộng gốc và lãi bị đơn còn nợ tổng cộng tính đến hết ngày 28-7-2022 là: 349.082.100 đồng; trong đó: nợ gốc 300.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 2.610.000 đồng, nợ lãi quá hạn: 46.472.100 đồng là có căn cứ, phù hợp với những nội dung các bên đã cam kết trong hợp đồng tín dụng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp và phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự; Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm nhà và đất của thửa đất số 275, tờ bản đồ số 3 tại xã Nghĩa An; địa chỉ: Tại Thôn P, xã N, thành phố Q (sau đây viết là thửa đất số 275) để thu hồi nợ. Hội đồng xét xử xét thấy: Để đảm bảo khoản vay, bị đơn đã thế chấp Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 275, tờ bản đồ số 3 tại xã N, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 064.HDTC.406.18 ngày 31-01-2018. Việc thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên đã được Văn phòng Công chứng số 1 tỉnh Quảng Ngãi ngày 31-01-2018, được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi, chi nhánh thành phố Quảng Ngãi ngày 31-01-2018. Do đó, hợp đồng thế chấp nêu trên giữa Ngân hàng và bà Nguyễn Thị U, ông Trần Văn C đã phát sinh hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký thế chấp.

Tại Điều 9 của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên có ghi sự kiện vi phạm: “...*Bên B không thực hiện hoặc thực hiện không đúng bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng tín dụng.*...”. Tại mục 9.2 của Điều 9 quy định xử lý tài sản thế chấp khi xảy ra sự kiện vi phạm “...*khi xảy ra một sự kiện vi phạm .....quyền xử lý tài sản thế chấp theo các phương thức quy định ....* Việc thỏa thuận của các bên như trên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của

luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ các nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 275, tờ bản đồ số 3 tại xã N là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 299 của Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Trường hợp tài sản bảo đảm tiền vay sau khi xử lý nếu không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì bị đơn sẽ tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi thanh toán xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Nếu còn thừa thì nguyên đơn sẽ trả lại cho bên bị đơn, nếu không có thỏa thuận khác.

- Đối với tài sản gắn liền với thửa đất số 275 là 01 ngôi nhà cấp 4 (theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 25-3-2022) thì thấy rằng giữa nguyên đơn và bị đơn có ký Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số 064.1.HDTC.406.18 ngày 31-01-2018. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định khi hai bên giao kết hợp đồng, bị đơn thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Do đó, khi xử lý tài sản thế chấp của bị đơn thì xử lý bao gồm toàn bộ tài sản gắn liền với đất.

[4] Đối với ông Võ Văn Á, bà Dương Thị Ánh T là người thuê nhà của bà U, ông C; ông Á và bà T trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số tiền thuê nhà, tiền thuê nhà ông, bà tự giải quyết với bà U, ông C và đồng ý giao lại quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bà U, ông C cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định pháp luật.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng, nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng và đã chi phí xong, nên bà U, ông C phải trả lại cho Ngân hàng 3.000.000 đồng.

[7] Về án phí:

Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền mà bị đơn phải trả cho Ngân hàng là: 17.454.106 đồng.

Nguyên đơn Ngân hàng thương mại Cổ phần Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm cho nguyên đơn.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, điều 144, 147, 157, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 292, 293, 295, 298, 299, 317, 318, 320, 321, 322, 323, điểm c khoản 2 Điều 324, 351, 401, 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 167, khoản 1 Điều 168, khoản 2 Điều 170, 188 Luật Đất đai; Điều 91 và 95 Luật Các tổ chức tín dụng. Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q.

2. Buộc bà Nguyễn Thị U, ông Trần Văn C phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28-7-2022) là 349.082.100 đồng; trong đó: nợ gốc 300.000.000 đồng, lãi trong hạn: 2.610.000 đồng, lãi quá hạn: 46.472.100 đồng, theo Hợp đồng tín dụng (cho vay kinh doanh) số 642.HDTD.406.18 ngày 01-10-2018 được ký kết giữa Ngân hàng và bà Nguyễn Thị U, ông Trần Văn C.

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29-7-2022), bà Nguyễn Thị U, ông Trần Văn C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số: 642.HDTD.406.18 ngày 01-10-2018 hai bên đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

4. Trường hợp bà Nguyễn Thị U, ông Trần Văn C không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 275, tờ bản đồ số 3 xã N; địa chỉ thửa đất: Thôn P, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi do bà Nguyễn Thị U, ông Trần Văn C đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được Ủy ban nhân dân huyện T (nay là thành phố Quảng Ngãi), tỉnh Quảng Ngãi cấp cho bà Nguyễn Thị U, ông Trần Văn C để thu hồi nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 064.HDTC.406.18 ngày 31-01-2018.

Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì bà Nguyễn Thị U, ông Trần Văn C phải có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Nếu còn thừa thì Ngân hàng thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam phải trả lại cho bên thế chấp, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

5. Khi xử lý tài sản thế chấp, ông Võ Ngọc Á, bà Dương Thị Ánh T là người thuê nhà của bà Nguyễn Thị U, ông Trần Văn C tại thửa đất số 275, tờ bản đồ số 3 xã N; địa chỉ thửa đất: Thôn P, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, phải có nghĩa vụ bàn giao lại quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bà U, ông C cho Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản theo quy định pháp luật.

6. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q đã nộp tạm ứng và đã chi phí xong. Bà U, ông C có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam 3.000.000 đồng.

7. Về án phí:

7.1. Bà Nguyễn Thị U, ông Trần Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 17.454.106 đồng.

7.2. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q số tiền tạm ứng án phí 7.852.000 theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000290 ngày 15-12-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

8. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Tp. Quảng Ngãi;
- Chi Cục THADS TP. Quảng Ngãi;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Thị Kim Loan**

**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**



***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Tp. Quảng Ngãi;
- Chi Cục THADS Tp. Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Phong**

**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

